Credit Card Approval

Dương Minh Hiếu - DA18

Credit Card Approval



INTRODUCTION THE DATASET

Describe the dataset, the purpose of the model



MODEL BUILDING

Build and select the best model for prediction



DATA PREPARATION

Explore, analyze and scale data



PREDICT & EVALUATE

Predict and evaluate the performance of the model

Introduction the dataset

- Điểm tín dụng là phương pháp sử dụng thông tin và dữ liệu cá nhân của người đăng ký thẻ tín dụng để dự đoán khả năng trả nợ trong tương lai. Ngân hàng có thể quyết định có cấp thẻ tín dụng cho người nộp đơn.
- Mục đích: Xây dựng mô hình học máy để dự đoán xem KH "tốt", "xấu"
- Gồm 2 file csv:
- + application_record: 438557 rows x 18 colums
- + credit record: 1048575 rows × 3 columns

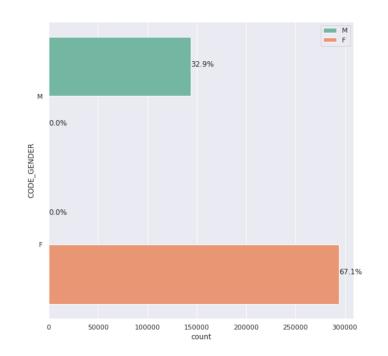
application_record.csv			
Feature name	Explanation	Remarks	
ID	Client number		
CODE_GENDER	Gender		
FLAG_OWN_CAR	Is there a car		
FLAG_OWN_REALTY	Is there a property		
CNT_CHILDREN	Number of children		
AMT_INCOME_TOTAL	Annual income		
NAME_INCOME_TYPE	Income category		
NAME_EDUCATION_TYPE	Education level		
NAME_FAMILY_STATUS	Marital status		
NAME_HOUSING_TYPE	Way of living		
DAYS_BIRTH	Birthday	Count backwards from current day (0), -1 means yesterday	
DAYS_EMPLOYED	Start date of employment	$\label{lem:count_problem} \mbox{Count backwards from current day (0)}. \mbox{ If positive, it means the person currently unemployed}.$	
FLAG_MOBIL	Is there a mobile phone		
FLAG_WORK_PHONE	Is there a work phone		
FLAG_PHONE	Is there a phone		
FLAG_EMAIL	Is there an email		
OCCUPATION_TYPE	Occupation		
CNT_FAM_MEMBERS	Family size		

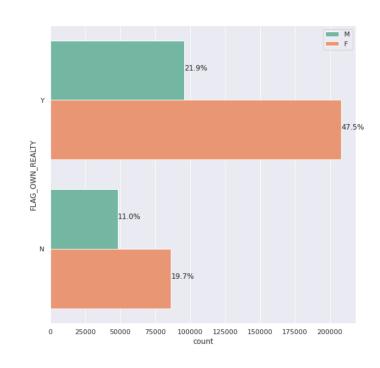
credit_record.csv		
Feature name	Explanation	Remarks
ID	Client number	
MONTHS_BALANCE	Record month	The month of the extracted data is the starting point, backwards, 0 is the current month, -1 is the previous month, and so on
STATUS	Status	0: 1-29 days past due 1: 30-59 days past due 2: 60-89 days overdue 3: 90-119 days overdue 4: 120-149 days overdue 5: Overdue or bad debts, write-offs for more than 150 days C: paid off that month X: No loan for the month

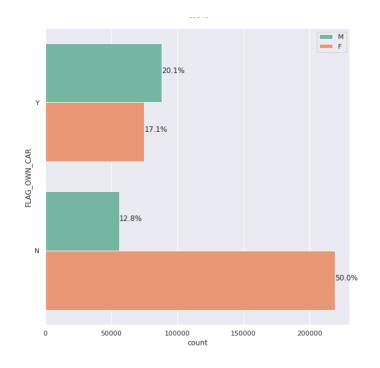
Data preparation

Model building

Graphic



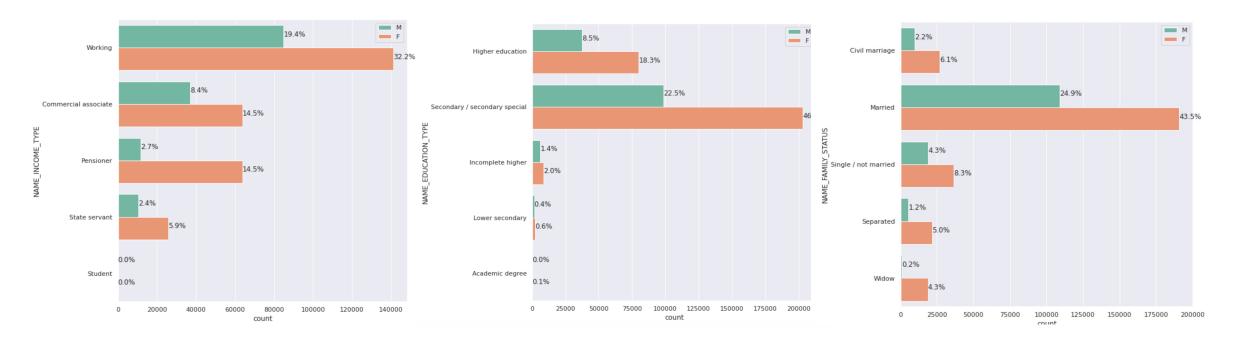




Insights from application details record:

- 36.9% KH là Nam và 67.1% là nữ
- 20.1% KH nam và 17.1% KH nữ sở hữu oto
- 21.9% KH nam và 47.5% KH nữ sở hữu BĐS

Graphic



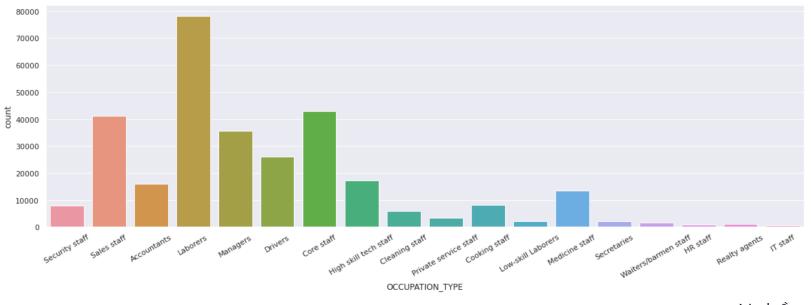
19.4% KH nam và 32.2% KH nữ đang làm KD

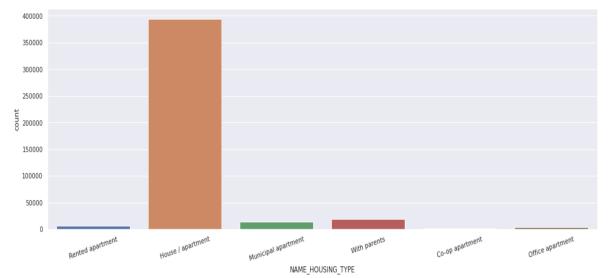
8.5% KH nam và 18.3% KH nữ đã học ĐH

22.5% KH nam và 46.3% KH nữ đã học trung học

24.9% KH nam và 43.5% KH nữ đã kết hôn

Graphic





- Nghề nghiệp phổ biến là Laborers, sales staff, Manager, core staff, high skill tech staff, accountant
- Nơi ở phổ biến: House/apartment

Xử lý file credit_card

Quy định NNNH

Nhóm 1: Dư nợ đủ chuẩn (Các khoản nợ được thanh toán trong hạn + Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày)

Nhóm 2: Dư nợ cần chú ý (Các khoản nợ quá hạn từ 10 – 90 ngày)

Nhóm 3: Dư nợ dưới tiêu chuẩn (Các khoản nợ quá hạn từ 30 – 90 ngày)

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ mất vốn (Các khoản nợ quá hạn từ 90 – 180 ngày)

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn (Nợ xấu)(Các khoản nợ quá hạn hơn 180 ngày)

Credit_record [Status]

C: paid off that month

X: No loan for the month

0: 1-29 days past due

1: 30-59 days past due

2: 60-89 days overdue

3: 90-119 days overdue

4: 120-149 days overdue

5: Overdue or bad debts, write-offs for more than 150 days

Phân nhóm

Nhóm 1 - "Good_Debt": status C, X, 0

Nhóm 2 - "Neutral_Debt": status 1, 2

Nhóm 3 - "**Bad_Debt**": status **3, 4, 5**



[]	# Xếp hạng tín dụng của KH theo đa số của loại nhóm nợ
	<pre>credit_record.loc[(credit_record['Good_Debt'] > credit_record['Neutral_Debt']),</pre>
	<pre>credit_record.loc[(credit_record['Good_Debt'] > credit_record['Bad_Debt']), 'CREDIT_APPROVAL_STATUS'] = 2</pre>
	<pre>credit_record.loc[(credit_record['Neutral_Debt'] > credit_record['Good_Debt']),</pre>
	<pre>credit_record.loc[(credit_record['Neutral_Debt'] > credit_record['Bad_Debt']), 'CREDIT_APPROVAL_STATUS'] = 1</pre>
	<pre>credit_record.loc[(credit_record['Bad_Debt'] > credit_record['Good_Debt']), 'CREDIT_APPROVAL_STATUS'] = 0</pre>
	<pre>credit_record.loc[(credit_record['Bad_Debt'] > credit_record['Neutral_Debt']), 'CREDIT_APPROVAL_STATUS'] = 0</pre>



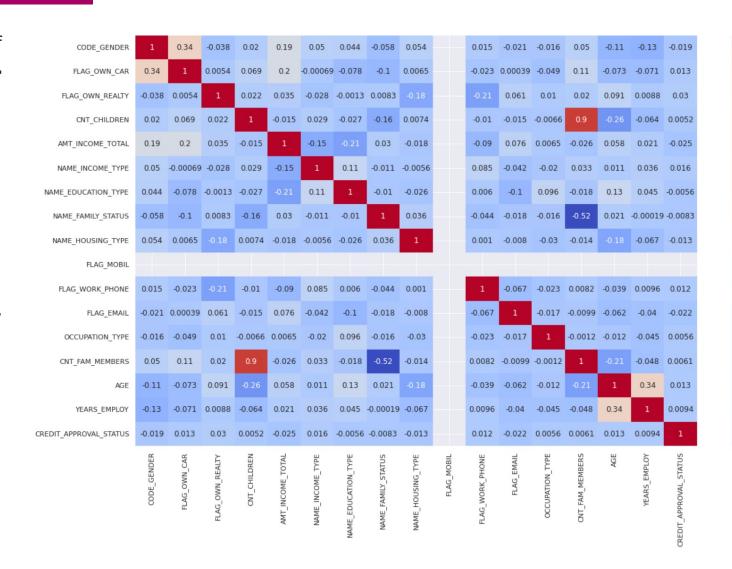
STATUS	Bad_Debt	Good_Debt	Neutral_Debt	CREDIT_APPROVAL_STATUS
ID				
5001711	0	4	0	2.0
5001712	0	19	0	2.0
5001713	0	22	0	2.0
5001714	0	15	0	2.0
5001715	0	60	0	2.0
5150482	0	18	0	2.0

Introduction Data preparation

Model building

Data preparation

- Thêm 2 cột: Age (quy đổi từ Day of birth), Years_employ (quy đổi từ Days_employ)
- Nomalize: amt_income_total
- Mã hoá: code_gender, flag_own_car...
- Merge 2 file theo ID number
- Drop: ID, FLAG_PHONE,
 DAYS_BIRTH, DAYS_EMPLOYED
- => Dataset có 17 features để phân tích



- 0.6

- 0.4

- 0.2

- 0.0

Model Building

10 Model: Random forest, KNN, Adaboost có Accuracy rate cao nhất (86%, 83%, 79%)

M M

Z

	precision	recall	f1-score	support
Bad_Debt Neutral_Debt Good_Debt	0.39 0.41 0.92	0.25 0.43 0.92	0.31 0.42 0.92	36 881 6624
	precision	recall	f1-score	support
0.0	0.12	0.19	0.15	36
1.0 2.0	0.34 0.92	0.40 0.89	0.37 0.90	881 6624
	precision	recall	f1-score	support
0.0	0.44	0.33	0.38	36
1.0 2.0	0.24 0.91	0.36 0.85	0.29 0.88	881 6624

STT	Model	Accuracy rate
1	Decision Tree	62.67 %
2	GNB	47.82 %
3	MNB	52.23 %
4	LR	54.58 %
5	SVM	37.78 %
6	Random Forest	86 %
7	KNN	83 %
8	Adaboost	79 %
9	GradientBoost	60.58 %
10	XGBoost	69.45 %

Introduction

Data preparation

Model building

Confusion matrix

	precision	recall	f1-score	support
Bad_Debt	0.39	0.25	0.31	36
Neutral_Debt	0.40	0.42	0.41	881
Good_Debt	0.92	0.91	0.92	6624
accuracy			0.85	7541
macro avg	0.57	0.53	0.54	7541
weighted avg	0.86	0.85	0.85	7541

Bad Debt

TP = 9

FN = 2 + 25 = 27

FP = 2 + 12 = 14

TN = 7491

Neutral Debt

TP = 368

FN = 2 + 511 = 513

FP = 2 + 555 = 557

TN = 6103

Good Debt

TP = 6057

FN = 12 + 555 = 567

True label

FP = 25 + 511 = 536

TN = 381

Random Forest Accuracy:0.855



Introduction Data preparation

Model building

Thank you for your great support!